

Cách thức các thế lực thù địch lồng ghép, dẫn dụ và thao túng nhận thức vào giới trẻ hiện nay

Ngày nhận bài: 21/11/2025 | Ngày phản biện: 25/11/2025 | Ngày xuất bản: 20/01/2026

Tác giả: Vũ Đình Toàn (Báo Xây dựng)

Tóm tắt: Nghiên cứu phân tích cơ chế “tiêm nhiễm thông tin” vào giới trẻ trong môi trường truyền thông số, tập trung vào cách các luồng thông tin sai lệch thâm nhập và ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận. Dữ liệu khảo sát 355 thanh niên cho thấy mức độ tiếp xúc với nội dung xuyên tạc xuất hiện thường xuyên trên mạng xã hội, đặc biệt qua video ngắn, trang giải trí và nhóm kín. Các chiến thuật thao túng như lồng ghép vào nội dung giải trí, biến tấu thành meme, lan truyền qua influencer (người có ảnh hưởng), kích hoạt cảm xúc mạnh và chỉnh sửa video tạo ra biến dạng nhận thức đáng kể. Kết quả phân tích chỉ ra nhu cầu cấp thiết về năng lực nhận diện thông tin sai lệch và tư duy phản biện trong giới trẻ. Nghiên cứu đồng thời cung cấp cơ sở cho việc xây dựng giải pháp giáo dục và truyền thông nhằm nâng cao “miễn dịch thông tin” trong bối cảnh số.

1. Đặt vấn đề

Sự bùng nổ thông tin trên nền tảng số đang tạo ra môi trường truyền thông biến động mạnh, đặc biệt trên mạng xã hội là nơi luồng tin thật và giả đan xen với tốc độ lan truyền nhanh. Không gian này xuất hiện nhiều chiến dịch truyền thông thù địch hướng vào thanh niên, sử dụng kỹ thuật thao túng dựa trên cơ chế khuếch tán ảnh hưởng trong mạng xã hội⁽¹⁾ (Kempe, Kleinberg và Tardos, 2003). Tần suất tiếp xúc với thông tin sai lệch gia tăng làm suy giảm năng lực phân biệt đúng và sai, tạo điều kiện để thông điệp xuyên tạc len lỏi và gây nhiễu loạn nhận thức. Tình trạng này khiến hiện tượng “tiêm nhiễm thông tin” trở thành vấn đề cấp bách trong bối cảnh truyền thông số hiện nay.

Bài viết hướng đến phân tích cơ chế vận hành và chiến thuật lồng ghép thông tin thù địch, đồng thời đánh giá mức độ tiếp nhận và lan truyền nội dung sai lệch trong giới trẻ. Theo Budak, Agrawal và El Abbadi (2011)⁽²⁾ trọng tâm phân tích đặt vào những yếu tố khiến thanh niên dễ rơi vào trạng thái bị dẫn dụ, từ đó lý giải hiện tượng biến dạng nhận thức trong môi trường truyền thông có cấu trúc lan truyền mạnh.

Bối cảnh truyền thông số hiện nay đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc giải thích rõ cơ chế tiêm nhiễm thông tin trong giới trẻ, đặc biệt khi mạng xã hội vận hành theo mô hình lan truyền nhanh và tạo điều kiện cho nội dung sai lệch xâm nhập liên tục. Sự thiếu hụt bộ công cụ nhận diện và đối phó với thông tin dẫn dụ khiến quá trình tiếp nhận dễ rơi vào trạng thái méo mó, từ đó hình thành các phản ứng nhận thức và hành vi lệch hướng. Trên nền tảng đó, bài viết đề xuất hướng tiếp cận nhằm tăng cường “miễn dịch thông tin” cho thanh niên, bao gồm phát triển năng lực nhận diện sai lệch, củng cố tư duy phản biện và thiết lập cơ chế phòng vệ trước nội dung thao túng, góp phần giảm thiểu rủi ro lan truyền thông tin lệch lạc trong truyền thông số hiện đại.

2. Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Thanh niên trong độ tuổi 15-30, nhóm có tần suất sử dụng mạng xã hội cao và thường xuyên tiếp xúc thông tin trên các nền tảng trực tuyến.

Phạm vi nghiên cứu: Môi trường truyền thông số tại Việt Nam, bao gồm mạng xã hội, nền tảng video và diễn đàn trực tuyến. Dữ liệu được thu thập trong giai đoạn 2022-2025 nhằm phản ánh trạng thái biến động của hành vi tiếp nhận thông tin trong bối cảnh số phát triển mạnh.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Cách tiếp cận: Nghiên cứu áp dụng hướng tiếp cận liên ngành, kết nối các lĩnh vực truyền thông, tâm lý học, xã hội học và an ninh phi truyền thống. Hệ phương pháp kết hợp định tính với định lượng nhằm bảo đảm độ sâu phân tích và độ tin cậy của dữ liệu.

- Phương pháp cụ thể: Phân tích tài liệu được triển khai để tổng hợp học thuyết truyền thông và báo cáo về chiến tranh nhận thức. Khảo sát định lượng tiến hành trên nhóm 355 sinh viên tại các Trường THPT Lê Quý Đôn (TP. Hồ Chí Minh), Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai (TP. Hồ Chí Minh), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh. Phòng vấn sâu chuyên gia an ninh mạng, nhà tâm lý, nhà báo và cán bộ quản lý nhằm bổ sung dữ liệu chuyên môn. Phân tích nội dung được áp dụng đối với 120 sản phẩm truyền thông số, bao gồm các trang mạng, video và bài viết có dấu hiệu lồng ghép thông tin xuyên tạc, được lựa chọn theo tiêu chí tần suất xuất hiện, mức độ lan truyền và khả năng tác động đến nhận thức giới trẻ.

Công cụ nghiên cứu gồm bảng hỏi điện tử, phần mềm thống kê SPSS/R và bộ tiêu chí nhận diện thao túng dựa trên nguồn phát tán, cấu trúc thông điệp, tần suất lặp lại và mức độ gây nhiễu. Quy trình gồm các bước: thu thập, mã hóa, phân tích và trình bày kết quả.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

Khảo sát được thực hiện trên 355 thanh niên từ 15-30 tuổi tại các trường THPT và đại học ở khu vực thành thị nhằm đánh giá mức độ tiếp xúc, dạng nội dung thường gặp và phản ứng nhận thức trước thông tin xuyên tạc trên mạng xã hội. Khảo sát tập trung vào các biến quan trọng gồm tần suất tiếp cận, nguồn phát tán, mức độ chủ động sàng lọc thông tin và mức độ bị dẫn dụ trong quá trình tiếp nhận. Kết quả khảo sát phản ánh xu hướng tiếp xúc ngày càng dày đặc với nội dung sai lệch, xuất hiện trong các nền tảng video ngắn, trang giải trí trực tuyến và nhóm kín trên mạng xã hội. Dữ liệu thu được cho thấy môi trường tiếp nhận thông tin của giới trẻ đang chịu tác động mạnh từ thuật toán đề xuất nội dung, từ đó làm tăng tính tự nhiên của thông tin xuyên tạc trong trải nghiệm trực tuyến hằng ngày. Những phát hiện này tạo nền tảng cho phần phân tích tiếp theo về mức độ tiếp xúc và các hình thức tiêm nhiễm thông tin đang vận hành trong truyền thông số hướng đến giới trẻ.

Một là, mức độ tiếp xúc của giới trẻ với thông tin xuyên tạc. Khảo sát về mức độ tiếp xúc với thông tin xuyên tạc trên mạng xã hội phản ánh rõ đặc điểm tiếp nhận của

nhóm tuổi trẻ trong bối cảnh truyền thông số. Các chỉ báo được xây dựng nhằm đo lường tần suất gặp nội dung sai lệch, mức độ hiện diện của thông tin xuyên tạc trên những nền tảng trực tuyến phổ biến và mức độ chủ động trong việc sàng lọc nội dung.

Bảng 1. Mức độ tiếp xúc của giới trẻ với thông tin xuyên tạc trên mạng xã hội (n = 355)

Các nhân tố	Mức độ hiệu quả (%)					ĐTB
	1	2	3	4	5	
Tần suất tiếp xúc thông tin xuyên tạc mỗi tuần	4.23	9.86	18.31	47.38	20.22	3.69
Mức độ gặp nội dung sai lệch trên nền tảng video ngắn	2.54	6.76	12.96	51.83	25.91	3.92
Mức độ gặp nội dung sai lệch trên trang giải trí trực tuyến	3.10	7.89	20.28	45.63	23.1	3.78
Mức độ gặp nội dung sai lệch trong nhóm kín mạng xã hội	5.07	11.55	22.82	40.00	20.56	3.60
Mức độ chủ động kiểm tra, phân loại thông tin	14.37	28.45	32.68	17.46	7.04	2.74

Mức 1 = Rất thấp; Mức 2 = Thấp; Mức 3 = Trung bình; Mức 4 = Cao; Mức 5 = Rất cao

Bảng số liệu phản ánh mức độ tiếp xúc đáng kể của giới trẻ với thông tin xuyên tạc trên các nền tảng mạng xã hội. Tần suất tiếp xúc mỗi tuần đạt ĐTB 3.69, trong đó mức 4 và 5 chiếm hơn 67%, cho thấy thông tin sai lệch xuất hiện dày đặc trong trải nghiệm trực tuyến hằng ngày. Đáng chú ý nhất là nền tảng video ngắn với ĐTB 3.92, tỷ lệ mức 4 và 5 lên đến gần 78%. Điều này phản ánh xu hướng ưu tiên nội dung ngắn, dễ lan truyền và có thuật toán đề xuất mạnh, khiến thông tin sai lệch xuất hiện theo chuỗi liên tục.

Trang giải trí trực tuyến cũng đạt mức tiếp cận cao với ĐTB 3.78, cho thấy môi trường giải trí đang trở thành kênh phát tán thông tin sai lệch quan trọng. Nhóm kín mạng xã hội có mức độ ảnh hưởng thấp hơn nhưng vẫn đạt ĐTB 3.60, phản ánh tính khép kín tạo điều kiện cho nội dung xuyên tạc lan truyền mà không bị kiểm soát.

Ngược lại, mức độ chủ động kiểm tra thông tin chỉ đạt ĐTB 2.74, thấp nhất trong bảng. Tỷ lệ mức 1 và 2 lên đến hơn 42%, cho thấy năng lực sàng lọc và xác minh còn hạn chế. Khoảng cách lớn giữa tần suất tiếp xúc và mức độ kiểm tra phản ánh nguy cơ cao dẫn đến tình trạng tiếp nhận sai lệch và hình thành nhận thức méo mó trong môi trường truyền thông số.

Hai là, biểu hiện của trạng thái bị thao túng. Kết quả khảo sát và phân tích dữ liệu cho thấy trạng thái bị thao túng thông tin trong giới trẻ xuất hiện với mức độ khá rõ rệt. Nhiều thanh niên dao động niềm tin trước các sự kiện xã hội, chia sẻ nội dung chưa kiểm chứng và phản ứng cảm xúc vượt mức khi tiếp xúc với thông tin kích động. Một bộ phận người trẻ còn hình thành định kiến dựa trên nội dung sai lệch và thay đổi thái độ xã hội mà không dựa trên dữ kiện khách quan. Những biểu hiện này phản ánh tác động sâu của quá trình tiêm nhiễm thông tin, đặc biệt trong môi trường truyền thông số có tính lan truyền mạnh. Kết quả cụ thể thể hiện trong bảng sau.

Bảng 2. Biểu hiện của trạng thái bị thao túng thông tin trong giới trẻ (n = 355)

Các nhân tố	Mức độ hiệu quả (%)					ĐTB
	1	2	3	4	5	
Dao động niềm tin trước các sự kiện xã hội	3.66	9.01	22.25	45.63	19.44	3.68
Chia sẻ thông tin chưa được kiểm chứng	5.35	12.11	27.04	38.59	16.91	3.5
Phản ứng cảm xúc thái quá với nội dung gây kích động	4.79	10.42	23.94	41.69	19.15	3.6
Hình thành định kiến dựa trên thông tin sai lệch	6.2	14.08	29.01	35.49	15.22	3.39
Thay đổi thái độ xã hội không dựa trên dữ kiện khách quan	7.89	15.21	30.14	32.11	14.65	3.31

Mức 1 = Rất thấp; Mức 2 = Thấp; Mức 3 = Trung bình; Mức 4 = Cao; Mức 5 = Rất cao.

Bảng số liệu cho thấy trạng thái bị thao túng thông tin xuất hiện với mức độ đáng kể trong nhóm thanh niên tham gia khảo sát. Dao động niềm tin trước các sự kiện xã hội

đạt ĐTB 3.68, trong đó mức 4 và 5 chiếm hơn 65%, phản ánh sự thiếu ổn định trong đánh giá thông tin khi tiếp xúc với luồng tin trái chiều. Hành vi chia sẻ nội dung chưa kiểm chứng cũng đạt mức cao với ĐTB 3.50, cho thấy xu hướng lan truyền thông tin theo phản ứng tức thời thay vì dựa trên kiểm chứng nguồn tin.

Phản ứng cảm xúc thái quá với nội dung kích động nổi bật với ĐTB 3.60, tỷ lệ mức 4 và 5 lên đến trên 60%, chứng tỏ cảm xúc đang đóng vai trò chi phối mạnh trong quá trình tiếp nhận. Hình thành định kiến dựa trên thông tin sai lệch (ĐTB 3.39) và thay đổi thái độ xã hội không dựa trên dữ kiện khách quan (ĐTB 3.31) tiếp tục phản ánh mức độ méo mó trong nhận thức.

Sự chênh lệch giữa các chỉ báo cho thấy quá trình thao túng thông tin đang tạo ảnh hưởng sâu, kết hợp giữa tác động cảm xúc, thiếu kiểm chứng và sự lặp lại của nội dung xuyên tạc. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về tăng cường năng lực nhận diện, kiểm tra và tiếp nhận thông tin có trách nhiệm trong môi trường số.

Ba là, các hình thức tiêm nhiễm thông tin. Các nghiên cứu truyền thông, bao gồm báo cáo của UNESCO (2023), OECD (2022) và Bộ Thông tin và Truyền thông, chỉ ra rằng chiến thuật tiêm nhiễm thông tin vào thanh niên đang ngày càng tinh vi, tận dụng đặc điểm tiêu thụ nội dung nhanh, phụ thuộc nền tảng số và mức độ tin tưởng vào mạng xã hội (UNESCO, 2023; OECD 2022). Phân tích nội dung được triển khai trên 120 sản phẩm truyền thông số thu thập trong quá trình khảo sát và quan sát hành vi người dùng trẻ tuổi, bao gồm 52 video ngắn, 38 bài viết và 30 trang/nguồn nội dung trực tuyến có dấu hiệu lồng ghép thông tin xuyên tạc. Các sản phẩm này được thu thập trong giai đoạn 2023-2024 trên các nền tảng phổ biến đối với giới trẻ tại Việt Nam như Facebook, YouTube, TikTok và một số diễn đàn trực tuyến. Kết quả phân tích cho thấy năm hình thức tiêm nhiễm thông tin chủ đạo đang vận hành mạnh trong môi trường truyền thông số hiện nay.

Thứ nhất, lồng ghép vào nội dung giải trí. Nhiều nghiên cứu quốc tế chỉ ra rằng thông tin sai lệch có tốc độ lan truyền cao khi được tích hợp vào nội dung mang tính giải trí, đặc biệt là video ngắn và các chương trình trực tuyến có mức độ tương tác lớn. Kwon et al. (2013)⁽³⁾ cho thấy các tin đồn và thông tin sai lệch trên mạng xã hội thường lan nhanh hơn khi được trình bày dưới dạng nội dung hấp dẫn, dễ chia sẻ. Qazvinian et al.

(2011)⁽⁴⁾ cũng khẳng định rằng hình thức trình bày phi chính thống, gần với giải trí, làm giảm xu hướng kiểm chứng của người dùng, từ đó thúc đẩy quá trình lan truyền thông tin sai lệch. Điều này trùng khớp với phát hiện từ dữ liệu khảo sát, cho thấy thông điệp xuyên tạc xuất hiện trong video hài, clip chế, bản tin giễu nhại hoặc sản phẩm nội dung mang tính “viral”. Mô hình lan truyền này dựa trên tâm lý tiếp nhận thụ động: người xem ưu tiên yếu tố gây cười hoặc tính bất ngờ, bỏ qua việc đánh giá tính xác thực. UNESCO gọi đây là “định dạng lén lút” vì thông tin sai lệch được đưa vào những nội dung có vẻ vô hại nhằm làm giảm đề kháng nhận thức (UNESCO, 2023). Khi một video hài lặp lại thông tin xuyên tạc nhiều lần, cảm giác quen thuộc gia tăng, tạo ra ấn tượng sai rằng thông tin đó có cơ sở.

Thứ hai, biến tướng thành hình ảnh chế và trào lưu trực tuyến. Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT) đã nhiều lần cảnh báo về tình trạng các đối tượng lợi dụng các hình thức truyền thông giải trí để đưa thông tin sai lệch vào đời sống số, trong đó có hiện tượng meme và trào lưu mạng xã hội được hưởng lợi từ tốc độ lan truyền cao và bị người dùng xem như nội dung giải trí hơn là nguồn tin chính thống. Các phát biểu của đại diện Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử tại các buổi họp báo tháng 4/2024 nêu rõ việc cắt ghép, tạo nội dung hài hước nhưng mang thông tin sai sự thật là hành vi vi phạm và cần xử lý nghiêm theo pháp luật nhằm bảo vệ an toàn thông tin trên không gian mạng. Bộ cũng trình Chính phủ dự thảo nghị định thay thế Nghị định số 72/2013/NĐ-CP nhằm tăng chế tài xử lý các hành vi đăng tải thông tin sai lệch dù chỉ mang mục đích ‘hài hước’ nhưng gây hiểu lầm cho người xem. Thống kê các cuộc khảo sát truyền thông thanh niên tại Việt Nam trong giai đoạn 2023-2024 cho thấy meme thường được tiếp nhận trong tinh thần giải trí, dẫn đến việc người dùng trao đổi và chia sẻ nội dung này mà bỏ qua các bước kiểm chứng cơ bản; hình ảnh, ký hiệu, câu thoại được chỉnh sửa nhằm truyền tải quan điểm sai lệch nhưng vẫn giữ tính hài hước, từ đó lôi kéo người dùng trẻ chia sẻ theo nhóm, khiến nội dung sai lệch dày đặc trong cộng đồng bạn bè và trở thành hiện tượng mạng mà ít bị cảnh giác xã hội.

Thứ ba, khai thác người ảnh hưởng (KOL, influencer). Theo báo cáo của WeAreSocial (2024) và các nghiên cứu xã hội học về ảnh hưởng kỹ thuật số, thanh niên có xu hướng tin vào thông tin do influencer chia sẻ mạnh hơn so với nguồn chính thống. Nhân tố này được các chiến dịch truyền thông thù địch khai thác bằng cách gieo nội dung sai lệch qua các tài khoản có lượng người theo dõi lớn. Nội dung được đóng gói

trong định dạng quen thuộc như vlog, livestream, story ngắn hoặc bài chia sẻ đời sống, khiến thông tin xuyên tạc thâm nhập vào không gian cá nhân của người xem mà không tạo cảm giác cảnh báo. Khi thông tin sai xuất hiện xen giữa nội dung giải trí hoặc lifestyle, độ tin cậy tăng lên do dựa vào hình ảnh thân quen của người ảnh hưởng. Các nghiên cứu quốc tế gọi đây là “hiệu ứng thẩm quyền ảo”, khi sự nổi tiếng được hiểu nhầm thành độ xác thực.

Thứ tư, kích hoạt cảm xúc mạnh. Nhiều báo cáo quốc tế, trong đó có nghiên cứu tổng hợp Information Pandemic: A Critical Review of Disinformation Spread on Social Media and Its Implications for State Resilience (2024), chỉ ra rằng các nội dung thông tin sai lệch lan truyền nhanh hơn và mạnh mẽ hơn các dạng thông tin chính thống nhờ yếu tố cảm xúc và thuật toán nền tảng mạng xã hội, trong đó cảm xúc mạnh làm tăng tương tác và chia sẻ nội dung. Báo cáo này cho thấy disinformation có tốc độ lan truyền cao hơn nội dung đúng sự thật với yếu tố cảm xúc đậm đặc góp phần đáng kể vào quá trình lan tỏa trên mạng xã hội. Các tổ chức nghiên cứu như EU DisinfoLab, qua các bản cập nhật Disinfo Update gần đây, cũng ghi nhận các chiến dịch thông tin sai lệch khai thác nội dung gây kích động, tranh cãi hoặc gắn với cảm xúc mạnh để mở rộng phạm vi tiếp cận và ảnh hưởng, đặc biệt trong bối cảnh các cuộc chiến nhận thức và xung đột trực tuyến hiện nay. Kết quả khảo sát trong nghiên cứu này cũng cho thấy mô hình tương tự: nội dung gây tức giận, thương xót, phẫn nộ hoặc bất bình được chia sẻ nhiều hơn, bình luận nhiều hơn và có khả năng tiếp cận rộng hơn. Chiến thuật này vận hành dựa trên phản ứng cảm xúc tức thời, khiến người trẻ dễ hành động trước khi kiểm tra thông tin. Khi tương tác gia tăng, thuật toán nền tảng tiếp tục đẩy nội dung lên cao hơn, tạo hiệu ứng “vòng lặp cảm xúc”, khiến thông tin xuyên tạc lan rộng vượt ngoài phạm vi ban đầu. Kích bản này làm suy giảm năng lực phân tích lý tính, tạo điều kiện để nhận thức sai lệch hình thành và duy trì dài hạn.

Thứ năm, cắt ghép, chỉnh sửa video tạo “sự thật mới”. Theo Trung tâm Giám sát An toàn Không gian mạng quốc gia (NCSC), cắt ghép và chỉnh sửa video là kỹ thuật gây ảnh hưởng mạnh nhất vì sản phẩm tạo ra mang tính trực quan cao và dễ đánh lừa người xem. Video bị chỉnh sửa mô phỏng bối cảnh thật, lời nói thật và tình huống thật, từ đó tạo ra cảm giác tin cậy dựa trên “bằng chứng trực thị”. Thanh niên, nhóm thường xuyên sử dụng video ngắn, dễ gặp khó khăn khi phân biệt video đã xử lý với video nguyên gốc, đặc biệt khi kỹ thuật chỉnh sửa ngày càng tinh vi. Khi nội dung giả

trình bày sự kiện theo cách có vẻ logic, người xem hình thành ấn tượng sai về bản chất sự việc. Nhiều báo cáo quốc tế gọi hiện tượng này là “tái cấu trúc hiện thực” – nơi thông tin giả được củng cố bằng hình ảnh mang tính thuyết phục cao, dẫn đến nguy cơ méo mó nhận thức trong thời gian dài.

3.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy cơ chế “tiêm nhiễm thông tin” vào giới trẻ đang vận hành mạnh mẽ trong môi trường truyền thông số và mang tính hệ thống, không còn là hiện tượng đơn lẻ. Dữ liệu khảo sát 355 thanh niên phản ánh mối liên hệ chặt chẽ giữa tần suất tiếp xúc cao với thông tin xuyên tạc, năng lực kiểm chứng hạn chế và các biểu hiện bị thao túng trong nhận thức và thái độ xã hội.

Trước hết, mức độ tiếp xúc thường xuyên với thông tin sai lệch tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tiêm nhiễm diễn ra âm thầm. Chỉ số trung bình về tần suất tiếp xúc đạt 3,69; riêng nền tảng video ngắn đạt 3,92, cho thấy thông tin xuyên tạc xuất hiện dày đặc trong không gian giải trí quen thuộc của giới trẻ. Việc lồng ghép nội dung sai lệch vào video giải trí, meme hoặc trào lưu mạng làm giảm đáng kể sự cảnh giác, khiến người tiếp nhận dễ tiếp thu thông tin mà không thực hiện kiểm chứng. Phát hiện này phù hợp với nhận định của UNESCO (2023) về xu hướng “ngụy trang thông tin” nhằm vượt qua hàng rào phản biện nhận thức.

Bên cạnh đó, mức độ chủ động kiểm tra thông tin ở mức thấp (ĐTB 2,74) cho thấy năng lực “miễn dịch thông tin” của giới trẻ còn hạn chế. Sự chênh lệch rõ rệt giữa tần suất tiếp xúc và hành vi kiểm chứng tạo ra khoảng trống nhận thức, làm gia tăng hiệu quả của các chiến dịch thao túng thông tin. Trong bối cảnh đó, thông tin xuyên tạc không chỉ được tiếp nhận mà còn có nguy cơ được nội hóa và tái lan truyền.

Các biểu hiện bị thao túng thể hiện rõ qua sự dao động niềm tin, phản ứng cảm xúc thái quá và hành vi chia sẻ thông tin chưa được kiểm chứng, với các chỉ số trung bình đều trên mức 3,3. Điều này cho thấy tác động của cơ chế tiêm nhiễm đã vượt ra ngoài phạm vi tiếp xúc, ảnh hưởng trực tiếp đến cách đánh giá sự kiện và hình thành thái độ xã hội của giới trẻ. Vai trò của cảm xúc trong quá trình lan truyền tiếp tục được khẳng định, khi nội dung kích động có khả năng lan tỏa nhanh và sâu hơn nội dung trung

tính.

Phân tích các hình thức tiêm nhiễm cho thấy các thế lực thù địch khai thác hiệu quả đặc điểm tâm lý và hành vi truyền thông của giới trẻ thông qua nội dung giải trí, người ảnh hưởng, kích hoạt cảm xúc và video cắt ghép. Những hình thức này làm mờ ranh giới giữa thật và giả, tạo ra “thực tại nhận thức” sai lệch nhưng có sức thuyết phục cao.

Từ các kết quả trên, có thể khẳng định rằng đấu tranh chống cơ chế tiêm nhiễm thông tin cần được triển khai ở cấp độ phòng ngừa và tăng cường năng lực nhận thức. Giáo dục kỹ năng kiểm chứng, tư duy phản biện và hiểu biết về cơ chế vận hành của truyền thông số là giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao “miễn dịch thông tin” cho giới trẻ. Đồng thời, cần phát huy vai trò của truyền thông chính thống với hình thức tiếp cận linh hoạt, phù hợp đặc điểm tiếp nhận của thanh niên, góp phần hạn chế ảnh hưởng của thông tin xuyên tạc và bảo vệ nền tảng tư tưởng trong không gian mạng.

4. Kết luận

Dữ liệu khảo sát và kết quả phân tích trong nghiên cứu cho thấy cơ chế “tiêm nhiễm thông tin” đang vận hành mạnh mẽ trong môi trường truyền thông số, đặc biệt đối với nhóm thanh niên có tần suất sử dụng mạng xã hội cao. Thông tin sai lệch xuất hiện với mật độ lớn trên các nền tảng trực tuyến, nhất là các nền tảng video ngắn, trang giải trí và không gian trao đổi khép kín, từ đó tạo điều kiện để nội dung xuyên tạc thâm nhập một cách tự nhiên vào quá trình tiếp nhận thông tin hằng ngày. Việc tiếp nhận thông tin thiên về cảm xúc, trong khi năng lực kiểm chứng và phân tích còn hạn chế, làm gia tăng nguy cơ hình thành nhận thức lệch lạc và các phản ứng xã hội thiếu cơ sở.

Nghiên cứu đồng thời chỉ ra rằng các thế lực thù địch không sử dụng hình thức tuyên truyền trực diện mà chủ yếu áp dụng các chiến thuật lồng ghép tinh vi, như đưa thông tin xuyên tạc vào nội dung giải trí, hình ảnh chế và trào lưu mạng, lợi dụng người có sức ảnh hưởng trên không gian mạng, kích thích cảm xúc tiêu cực hoặc cắt ghép, chỉnh sửa hình ảnh và video nhằm tạo ra nhận thức sai về sự kiện. Những phương thức này làm mờ ranh giới giữa thông tin đúng và sai, khiến người tiếp nhận khó nhận diện yếu tố dẫn dụ, qua đó thúc đẩy quá trình tiêm nhiễm thông tin diễn ra liên tục và âm thầm.

Trên cơ sở đó, kết quả nghiên cứu khẳng định yêu cầu cấp thiết của việc xây dựng và củng cố “miền dịch thông tin” cho giới trẻ nhằm hạn chế tác động của truyền thông thù địch trong môi trường số. Việc nâng cao năng lực nhận diện thông tin sai lệch, kỹ năng phân tích và kiểm chứng nguồn tin, hiểu biết về cơ chế lan truyền và đề xuất nội dung của các nền tảng số, cùng với tư duy phản biện có định hướng, cần được triển khai thông qua giáo dục truyền thông, giáo dục kỹ năng số an toàn và các hoạt động hướng dẫn thực hành cụ thể. Đồng thời, cần tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục và các tổ chức truyền thông nhằm tạo dựng môi trường tiếp nhận thông tin lành mạnh, minh bạch và có định hướng cho thanh niên.

Nghiên cứu góp phần cung cấp căn cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách quản lý thông tin và truyền thông trên không gian mạng, đồng thời làm rõ cơ chế vận hành của quá trình tiêm nhiễm thông tin trong giới trẻ. Từ đó, bài viết mở ra hướng tiếp cận có tính hệ thống trong công tác phòng ngừa, đấu tranh và hạn chế tác động của thông tin xuyên tạc trong bối cảnh truyền thông số phát triển nhanh, phức tạp và tiềm ẩn nhiều nguy cơ đối với an ninh tư tưởng và ổn định xã hội./.

Tài liệu tham khảo

- (1) D. Kempe, J. Kleinberg, 2003, and E. Tardos, Maximizing the spread of influence through a social network," in Proceedings of the Ninth ACM SIGKDD International Conference on Knowledge Discovery and Data Mining, ser. KDD '03. New York, NY, USA: Association for Computing Machinery, p. 137–146.
- (2) C. Budak, D. Agrawal, and A. El Abbadi, 2011, Limiting the spread of misinformation in social networks, in Proceedings of the 20th International Conference on World Wide Web, ser. WWW '11. New York, NY, USA: Association for Computing Machinery, p. 665–674.
- (3) Kwon, M. Cha, K. Jung, W. Chen, and Y. Wang, 2013, Prominent features of rumor propagation in online social media, in 2013 IEEE 13th International Conference on Data Mining, pp. 1103–1108, ISSN: 2374-8486.
- (4) V. Qazvinian, E. Rosengren, D. R. Radev, and Q. Mei, 2011, Rumor has it: Identifying misinformation in microblogs, in Proceedings of the 2011 Conference on Empirical Methods in Natural Language Processing, Jul. 2011, pp. 1589–1599.

1. C. Budak, D. Agrawal, and A. El Abbadi, 2011, Limiting the spread of misinformation in social networks, in Proceedings of the 20th International Conference on World Wide Web, ser. WWW '11. New York, NY,

USA: Association for Computing Machinery, p. 665–674.

2. D. Kempe, J. Kleinberg, and E. Tardos, 2003, "Maximizing the spread of influence through a social network," in *Proceedings of the Ninth ACM SIGKDD International Conference on Knowledge Discovery and Data Mining*, ser. KDD '03. New York, NY, USA: Association for Computing Machinery, p. 137–146.

3. D. T. Nguyen, N. P. Nguyen, and M. T. Thai, 2012, "Sources of misinformation in online social networks: Who to suspect?" in *MILCOM 2012 - 2012 IEEE Military Communications Conference*, pp. 1–6, ISSN: 2155-7586.

4. H. Zhang, M. A. Alim, X. Li, M. T. Thai, and H. T. Nguyen, "Misinformation in online social networks: Detect them all with a limited budget," vol. 34, no. 3, pp. 1–24.

5. Hòa, Đ. X., & Phương, V. T., 2025, Phát huy vai trò của báo chí trong công tác quản lý thông tin xấu độc trên mạng xã hội. *Quản lý nhà nước*, (350), 74–78.

6. Hoàng, T. T. H., 2014, Hành vi tiếp nhận thông tin báo chí trên điện thoại di động của công chúng thanh niên đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Phước hiện nay (Doctoral dissertation, H.: Học viện Báo chí và Tuyên truyền).

7. Hương, V. T. T. An toàn thông tin trong sử dụng mạng xã hội. *Năng lực số cho sinh viên đáp ứng nhu cầu thị trường lao động*, 33.

8. Kwon, M. Cha, K. Jung, W. Chen, and Y. Wang, 2013, "Prominent features of rumor propagation in online social media," in *2013 IEEE 13th International Conference on Data Mining*, pp. 1103–1108, ISSN: 2374-8486.

9. N. Buchbinder, M. Feldman, J. Seffi Naor, and R. Schwartz, 2015, "A tight linear time (1/2)-approximation for unconstrained submodular maximization," *SIAM Journal on Computing*, vol. 44, no. 5, pp. 1384–1402.

10. N. P. Nguyen, G. Yan, and M. T. Thai, 2013, "Analysis of misinformation containment in online social networks," *Computer Networks*, vol. 57, no. 10, pp. 2133–2146, towards a Science of Cyber Security Security and Identity Architecture for the Future Internet.

THỦY, T. N. V., 2024, thực trạng và thách thức của truyền thông trong thời đại số. *Tạp chí Khoa học điện tử Việt Nam Hội Nhập*, (349).

V. Qazvinian, E. Rosengren, D. R. Radev, and Q. Mei, 2011, "Rumor has it: Identifying misinformation in microblogs," in *Proceedings of the 2011 Conference on Empirical Methods in Natural Language Processing*, Jul., pp. 1589–1599.

Vu, M. M., 2023, Một phương pháp ngăn chặn thông tin sai lệch lan truyền trên mạng xã hội trực tuyến. *Journal of Science and Technology on Information and Communications*, 1(4), 125–132.